

Số: 74 /2014/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý, sử dụng và khai thác
công trình cấp nước nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên Nước ban hành ngày 06/01/1998;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Liên Bộ: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung nông thôn;

Căn cứ Văn bản số 1150/TCTL-QLNN ngày 12/9/2014 của Tổng cục Thủy lợi về việc góp ý Quy định quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1028/SNN-TL ngày 26/3/2014, Văn bản số 3845/SNN-TL ngày 18/9/2014, kèm theo Văn bản thẩm định của Sở Tư pháp số 381/BC-STP ngày 27/4/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Y tế; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

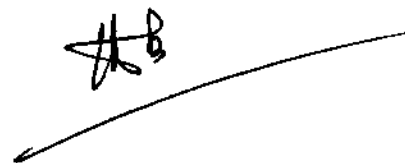
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT ;
- VP TT Chương trình MTQG NS&VSMTNT TW;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh VP, PVP UBND tỉnh (phụ trách);
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL.

Gửi: VB giấy và ĐT.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

QUY ĐỊNH
Về việc quản lý, sử dụng và khai thác
công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
(Kèm theo Quyết định số 74/2014/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, bao gồm:

1. Công trình cung cấp nước sạch cho dân cư nông thôn được đầu tư từ ngân sách nhà nước, có nguồn gốc ngân sách nhà nước, được xác lập sở hữu nhà nước.

2. Công trình đồng thời cung cấp nước sạch cho dân cư nông thôn và đô thị được đầu tư từ các nguồn vốn:

- Chương trình Mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

- Chương trình Hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn (viết tắt là Chương trình 134);

- Chương trình Phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi (viết tắt là Chương trình 135);

- Chương trình Mục tiêu quốc gia về nông thôn mới;

- Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức và cá nhân tham gia quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung (sau đây gọi tắt là công trình) là một hệ thống gồm công trình khai thác, xử lý nước, mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch đến nhiều hộ gia đình hoặc cụm dân cư sử dụng nước ở

nông thôn và các công trình phụ trợ có liên quan; bao gồm các loại hình: Cấp nước tự chảy, cấp nước sử dụng bơm động lực, cấp nước bằng công nghệ hồ treo.

2. Đơn vị quản lý công trình là tổ chức, cá nhân được UBND tỉnh giao công trình để trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác, gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập, gồm: Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn, Ban Quản lý nước sạch;

b) Doanh nghiệp, gồm: Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân;

c) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã; thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác quản lý công trình cấp nước);

d) Cá nhân tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ công trình cấp nước sinh hoạt tập trung theo hình thức đấu thầu quản lý, vận hành khai thác công trình.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác công trình

1. Thực hiện theo Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung nông thôn và Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/01/2013 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước chi cho Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012-2015;

2. Công trình cung cấp nước sạch cho dân cư nông thôn được đầu tư toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà nước, có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì thẩm quyền giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình là UBND tỉnh.

3. Thống nhất công tác quản lý, sử dụng và khai thác theo một đầu mối tập trung, chống manh mún, dàn trải và phân tán; đảm bảo công trình cấp nước hiệu quả, ổn định, chất lượng và giá thành hợp lý. Sử dụng tối đa công suất của các công trình cấp nước đô thị để cấp nước cho các xã nông thôn; khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia bỏ vốn đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng công suất công trình theo đúng quy định của pháp luật;

4. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao được UBND tỉnh giao công trình để trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác giai đoạn đầu từ 2 đến 3 năm, sau đó phải chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc công ty TNHH một thành viên hoạt động theo luật doanh nghiệp.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH NƯỚC SẠCH TẬP TRUNG

Điều 5. Mô hình tổ chức quản lý

1. Đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng và khai thác:

- Công trình cấp nước liên xã (không kể quy mô, công suất);
- Công trình cấp nước trong một xã có công suất thiết kế từ $500\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ trở lên.

2. Doanh nghiệp quản lý, sử dụng và khai thác:

- Công trình do doanh nghiệp tự bỏ vốn đầu tư xây dựng mới hoặc đầu tư một phần (Nhà nước đầu tư một phần) không kể quy mô, công suất được UBND tỉnh cho phép;

- Công trình do doanh nghiệp tự bỏ vốn đầu tư nâng cấp, mở rộng công suất của nhà máy được UBND tỉnh cho phép;

- Công trình sử dụng nguồn nước chuyển tiếp từ hệ thống công trình cấp nước do doanh nghiệp quản lý và các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung khác được UBND tỉnh giao không kể quy mô, công suất.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng và khai thác: Các công trình có công suất thiết kế dưới $500\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, cấp nước trong phạm vi một xã.

Căn cứ vào đặc điểm, quy mô và tính chất công nghệ xử lý nước của từng công trình UBND cấp xã lựa chọn và thành lập các tổ chức quản lý phù hợp, nhằm khai thác có hiệu quả và bền vững cấp nước cho nhân dân:

- Mô hình quản lý: UBND cấp xã có thể thành lập Hợp tác xã chuyên trách quản lý công trình nước sạch nông thôn; hợp tác xã tổng hợp quản lý công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; tổ hợp tác chuyên trách quản lý công trình nước sạch nông thôn hoặc một tổ chức kinh tế phù hợp với quy định của pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức quản lý:

+ Đối với các công trình công suất thiết kế từ $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ đến dưới $500\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, tổ chức quản lý có tối đa từ 03 đến 05 người, trong đó có ít nhất 02 người có trình độ trung cấp hoặc sơ cấp chuyên ngành cấp thoát nước trở lên;

+ Đối với các công trình công suất thiết kế dưới $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, tổ chức quản lý có tối đa 03 người, trong đó có ít nhất 01 người có trình độ sơ cấp chuyên ngành cấp thoát nước trở lên hoặc đã tốt nghiệp trung học phổ thông và phải tham gia 01 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, vận hành và khai thác công trình cấp nước sạch do các cơ sở đào tạo hợp pháp tổ chức và cấp chứng chỉ.

+ Đối với các công trình có công suất thiết kế dưới $100\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, vùng sâu, vùng miền núi, cấp nước trong phạm vi thôn, xã có thể giao cho cá nhân quản lý, sử dụng và khai thác theo hình thức: Đấu thầu quản lý, khai thác công trình; UBND cấp xã lập phương án đề xuất UBND cấp huyện xem xét, trình UBND tỉnh quyết định;

4. Các công trình do tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, mở rộng công suất của nhà máy được UBND tỉnh cấp phép thì tổ chức, cá nhân đó tự lựa chọn mô hình quản lý theo đúng quy định.

Điều 6. Bàn giao công trình cho tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác sử dụng

Thực hiện theo Quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và các quy định hiện hành khác.

Điều 7. Phương pháp xác định giá và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch

Phương pháp xác định giá, thẩm quyền quyết định giá và quản lý giá tiêu thụ nước sạch, thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Liên Bộ: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị quản lý công trình

1. Đơn vị quản lý công trình có các quyền sau:

- a) Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình quản lý và khai thác sử dụng công trình;
- b) Được tham gia ý kiến vào việc lập quy hoạch cấp nước trên địa bàn; đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến hoạt động quản lý và khai thác sử dụng công trình;
- c) Chủ động thực hiện các biện pháp quản lý, bảo trì theo quy định của pháp luật nhằm vận hành, khai thác công trình theo thiết kế;
- d) Thu tiền nước theo giá tiêu thụ nước sạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và được bù giá theo quy định nếu chênh lệch thu nhỏ hơn chi hợp lý được cấp thẩm quyền quy định;
- đ) Xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về quản lý và khai thác sử dụng công trình;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị quản lý công trình có các nghĩa vụ sau:

- a) Chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình theo quy định;
- b) Bảo đảm dịch vụ cung cấp nước cho khách hàng, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng dịch vụ theo quy định;
- c) Thực hiện báo cáo, hạch toán, khấu hao, bảo trì công trình theo đúng quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và các quy định của pháp luật có liên quan khác;
- d) Bồi thường khi gây thiệt hại cho khách hàng sử dụng nước theo quy định của pháp luật;
- đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Các hành vi bị cấm trong hoạt động cấp nước

1. Các hoạt động gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến nguồn nước, các công trình cấp nước và quá trình cấp nước bình thường của công trình.
2. Các hành vi phá hoại công trình.

Điều 10. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn và kiến nghị xử lý kịp thời những vi phạm pháp luật trong hoạt động cấp nước.
2. Tổ chức, cá nhân vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động cấp nước thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động cấp nước gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân thì đối tượng vi phạm phải bồi thường thiệt hại.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị, tổ chức có liên quan hướng dẫn, kiểm tra trong quá trình thực hiện;
- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát tình hình quản lý, sử dụng các công trình trên địa bàn; chỉ đạo, chấn chỉnh công tác quản lý và tham mưu cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ, bàn giao tài sản cho các đơn vị để quản lý, sử dụng công trình theo đúng Quy định này và các quy định hiện hành của pháp luật, đảm bảo phát huy hiệu quả công trình;
- Tăng cường quản lý nhà nước của ngành trong việc sử dụng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng công trình cấp nước và cung cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh;
- Tổng hợp, báo cáo tháng, quý, năm về tình hình thực hiện công tác cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh cho UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

2. Sở Tài chính:

- Thẩm định, tham mưu đề xuất UBND tỉnh quyết định giá nước cho từng công trình theo đúng quy định, phù hợp với khung giá nước của UBND tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; hướng dẫn xây dựng phương án bù giá theo quy định nếu giá tiêu thụ thấp hơn giá thực;

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Tham mưu UBND tỉnh về cơ chế ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan hướng dẫn việc đấu thầu quản lý, khai thác công trình, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Sở Y tế

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn thuộc Sở thường xuyên kiểm tra chất lượng nước sạch trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bộ Y tế;

- Bảo đảm nhân lực, trang thiết bị và bố trí kinh phí (trong ngân sách hàng năm) cho việc thực hiện kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Xây dựng

- Quản lý chất lượng xây dựng công trình cấp nước trên địa bàn theo các quy định của pháp luật;

- Tổ chức và chỉ đạo thực hiện Quy chế đảm bảo an toàn cấp nước trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BXD ngày 31/12/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy chế đảm bảo an toàn cấp nước.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các đơn vị cấp nước sạch nông thôn;

- Hướng dẫn đơn vị cấp nước thực hiện các chính sách ưu đãi về đất đai để xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với lĩnh vực nước sạch nông thôn trên địa bàn; hướng dẫn, chỉ đạo UBND cấp xã thành lập mô hình tổ chức quản lý, sử dụng và khai thác công trình được UBND tỉnh giao theo đúng quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định này;

- Phê duyệt mô hình quản lý đối với từng công trình do UBND cấp xã quản lý;

- Có trách nhiệm chỉ đạo UBND cấp xã, các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ nguồn nước và các công trình cấp nước; ngăn chặn và xử lý kịp thời mọi

hành vi làm ảnh hưởng đến môi trường nguồn nước, làm thiệt hại đến các công trình cấp nước và các hành vi làm lãng phí, thất thoát hay sử dụng trái phép nguồn nước sạch;

- Báo cáo tình hình thực hiện công tác cấp nước sạch nông thôn cho UBND tỉnh và các Sở, ngành liên quan theo định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, cuối quý, năm để theo dõi, chỉ đạo.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về nước sạch trên địa bàn xã; có cam kết quản lý, sử dụng và khai thác công trình ổn định, có hiệu quả, tự chịu trách nhiệm bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp công trình.

- Thành lập đơn vị quản lý, vận hành và khai thác các công trình được giao theo đúng quy định, đảm bảo công trình phát huy hiệu quả và bền vững trình UBND cấp huyện phê duyệt; xem xét, lựa chọn và đề xuất kế hoạch đấu thầu quản lý, khai thác những công trình cấp nước tập trung do UBND cấp xã quản lý, báo cáo UBND cấp huyện xem xét, trình UBND tỉnh quyết định.

- Có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng và cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn; phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc sử dụng nguồn nước đảm bảo vệ sinh phục vụ sinh hoạt hàng ngày, vận động nhân dân sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và tham gia bảo vệ nguồn nước, các công trình cấp nước.

- Giải quyết các tranh chấp giữa đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo tình hình thực hiện công tác cấp nước sạch nông thôn cho UBND cấp huyện định kỳ trước ngày 15 hàng tháng và cuối quý, năm để theo dõi, chỉ đạo.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công tác quản lý, khai thác và cung cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh phải thực hiện theo quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Khen thưởng

Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác đầu tư xây dựng, quản lý khai thác và bảo vệ các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung sẽ được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 14. Kỷ luật

- Người nào vi phạm trong đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức vi phạm trong đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, đình chỉ hoạt động; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung, các sở, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác và vận hành công trình kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *LS*
KT. CHỦ TỊCH
CHỖ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn